

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

QUAN NIỆM CỦA HEGEL VỀ TÔN GIÁO

LÊ CÔNG SỰ^(*)

Sinh thời, nhà triết học cổ điển Đức Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770 - 1831), có tham vọng xây dựng một hệ thống triết học hoàn bị với mục đích khôi phục lại ý tưởng mà các nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã nêu ra: "Triết học là khoa học của mọi khoa học". Chính vì thế, ông không chỉ quan tâm đến các vấn đề: logic, lịch sử, khoa học tự nhiên, mỹ học, nhà nước pháp quyền, mà cả đến những vấn đề tôn giáo. Bởi, theo quan niệm của ông, triết học cần phải lí giải mọi vấn đề về thế giới mà ta đang sống; nó phải trả lời bao quát các câu hỏi mà loài người đã, đang, và sẽ đặt ra, chẳng hạn: thế giới là gì? thế giới sinh ra từ đâu? đời sống tinh thần của con người diễn ra như thế nào? Để trả lời những câu hỏi đại loại như vậy, triết học cần sự trợ giúp của thần học và tôn giáo.

Lợi thế của Hegel so với một số nhà triết học tiền bối khác khi bàn về vấn đề tôn giáo, đó là bản thân ông đã từng được đào tạo trong Khoa Thần học của Trường Đại học Tổng hợp Tubingen. Ông bảo vệ luận án thạc sĩ về lịch sử nhà thờ Vutemberg, nhưng không nhận danh hiệu giáo sĩ nhà thờ ban tặng mà chọn con đường triết học. Chính triết học đã giúp ông hiểu một cách thấu đáo hơn về tôn giáo, đúng như lời nhận xét của Guluga trong bài *Triết học tôn giáo của*

Hegel: "Hegel quan tâm đến Đức Chúa Giêsu và Kitô giáo không phải với tư cách là nhà thần học hay nhà sử học, mà với tư cách là nhà triết học"⁽¹⁾.

Để giải quyết những khó khăn về tài chính và có thời gian tích lũy kiến thức, ngay sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Tubingen, Hegel tìm đến Berne (Thụy Sĩ), quê hương cũ của nhà tư tưởng nổi tiếng Rousseau để làm gia sư cho một gia đình quý tộc giàu có. Tại đây, những tác phẩm đầu tay của ông, và cũng là những tác phẩm về đề tài tôn giáo được thai nghén: *Tôn giáo dân gian và Kitô giáo; Cuộc đời của Đức Chúa Giêsu; Tính tích cực của Kitô giáo; Tinh thần và số phận của Kitô giáo*.

Đối tượng cơ bản mà các tác phẩm kể trên hướng tới chính là Kitô giáo và Đức Chúa Giêsu; tài liệu cơ bản mà Hegel khảo sát là cuốn *Kinh Thánh*. Với lượng tri thức tích lũy được chưa nhiều và thế giới quan còn hạn hẹp, ở trong các tác phẩm này, cử nhân triết học - thần học kiêm gia sư Hegel chưa bàn nhiều về những vấn đề tôn giáo nói chung mà chỉ luận giải luận điểm cho rằng, Kitô giáo là một tôn giáo có ý nghĩa tích cực trong đời

*. TS., Giảng viên Triết học, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
1. A.V. Guluga. *Triết học tôn giáo của Hegel*. Trong cuốn: Hegel *Triết học tôn giáo. Tập 1*. Matxcova 1976, tr.11. (Tiếng Nga)

sống công chúng, bởi vì nó phản ánh sự lệ thuộc của cá nhân đối với uy tín thánh thần và các tập tục truyền thống. Hình tượng Đức Chúa Giêsu trong các tác phẩm đầu tay này của Hegel là hình tượng của con người nhân đạo, cao cả, duy cảm, có ý hướng chống lại lí tính con người. Ở đây, Hegel đã khơi dậy và làm sống lại đạo đức học của I. Kant, qua đó chứng minh cho câu nói nổi tiếng của người tiền bối: "Tôi buộc phải hạn chế tri thức để nhường chỗ cho niềm tin". Và cũng chính ở đây, bắt đầu hình thành tính mâu thuẫn giữa chủ nghĩa duy lí và chủ nghĩa duy cảm của nhà triết học Hegel. Trong tác phẩm *Cuộc đời của Đức Chúa Giêsu*, ông viết: "Phụng sự Thượng Đế và lí tính không tương hợp với phụng sự tình cảm, chúng hoàn toàn loại trừ nhau"⁽²⁾. Mâu thuẫn này thể hiện rõ hơn trong quan điểm sau này của ông.

Tập bài giảng triết học tôn giáo là tài liệu cơ bản phản ánh tư tưởng của Hegel về tôn giáo; nó đã được ông đọc bốn lần trong vòng 10 năm ở Trường Đại học Tổng hợp Berlin (các năm: 1821, 1824, 1827 và 1831). Trong khoảng thời gian này, quan điểm của Hegel về hệ thống triết học nói chung, về tôn giáo nói riêng dường như đã hoàn tất. Trong tập bài giảng tương đối đồ sộ này, nhà biện chứng duy tâm cổ điển Đức đã đặt ra một số vấn đề có tính hệ thống về tôn giáo.

Trước hết, Hegel xác định đối tượng nghiên cứu của *triết học tôn giáo* để qua đó đưa ra một định nghĩa về tôn giáo làm cơ sở lí luận cho mọi vấn đề sẽ được xem xét sau này. Hegel viết: "Trước hết, cần phải xác định đối tượng của triết học tôn giáo và quan niệm của chúng ta về tôn

giáo. Chúng ta biết rằng, trong tôn giáo con người thoát khỏi thời gian, rằng tôn giáo là lĩnh vực của ý thức con người, trong đó giải đáp mọi điều bí ẩn của thế giới quan, gạt bỏ mọi mâu thuẫn thâm kín trong tư tưởng con người, xoa dịu mọi nỗi đau tình cảm của nó, tôn giáo là lĩnh vực của chân lí vĩnh cửu, của sự tĩnh lặng vô bờ, của thế giới vô biên"⁽³⁾. "Cũng giống như quan điểm, ý chí, quan niệm, tri thức hay nhận thức, tôn giáo nói chung là lĩnh vực tận cùng và cao nhất của ý thức con người. Tôn giáo là kết quả và lĩnh vực của chân lí tuyệt đối mà con người gia nhập"⁽⁴⁾. "Tôn giáo là tri thức thần thánh, là tri thức của con người về thần thánh... tôn giáo là tri thức của chân lí tối cao, chân lí này trong nghĩa xác định của nó chính là *tinh thần tự do*; trong tôn giáo con người tự do trước thần thánh, vì ý chí của con người hoà đồng với ý chí Thượng Đế"⁽⁵⁾. "Dấu hiệu cơ bản của tôn giáo là *yếu tố khách quan* - sự cần thiết một sự trợ giúp tinh thần cho cá thể và ý thức kinh nghiệm cá nhân trong một hình thái ý thức chung đối lập với tự ý thức"⁽⁶⁾.

Phân tích bốn đoạn trích dẫn trên chúng ta thấy, Hegel đã phần nào nhìn thấy hoặc phỏng đoán ra chức năng đền bù hư ảo của tôn giáo mà sau này C. Mác nói một cách rõ hơn trong *Lời nói đầu* tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền Hegel*: "Tôn giáo biến bản chất con người thành *tính hiện thực ảo tưởng*"⁽⁷⁾.

2. Hegel. Sdd, tr. 45.

3. Hegel. Sdd, tr. 205.

4. Hegel. Sdd, tr. 247.

5. Hegel. Sdd, tr. 400.

6. Hegel. Sdd, tr. 439.

7. C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập. Tập 1. Nxb. CTQG. 1995, tr. 570.

Theo Hegel, trong tôn giáo con người cảm thấy được hạnh phúc, vinh quang và tự hào, bởi vì nó được giao hoà với Thượng Đế, mà Thượng Đế chính là nhân vật trung gian giữa đời sống hiện thực và con người. “Thượng đế là điểm khởi đầu và mốc tận cùng của mọi tồn tại”⁽⁸⁾.

Từ việc xác định nội hàm của khái niệm tôn giáo, Hegel đi đến việc xác định *mối quan hệ giữa tôn giáo và triết học*, hai loại hình cơ bản của ý thức xã hội, phản ánh hai lĩnh vực khác nhau của đời sống tinh thần con người: tri thức (lí tính) và niềm tin (tình cảm).

Theo Hegel, tôn giáo không đối lập với tri thức như các nhà duy vật Pháp thế kỉ XVIII khẳng định, ngược lại trong tôn giáo, con người bày tỏ quan niệm của mình về thực thể, về thế giới nội tâm, về tinh thần tuyệt đối. Nhưng những quan niệm này được diễn đạt không phải bằng hình thái tư duy mà là trong hình thái niềm tin tôn giáo, trong những giáo lí, chính vì thế tôn giáo đồng nhất với triết học. “Nội dung, nhu cầu và quyền lợi của triết học hoàn toàn tương đồng với tôn giáo. Đối tượng của tôn giáo cũng như đối tượng của triết học đều là chân lí vĩnh cửu, Thượng Đế và sự khám phá Thượng Đế. Triết học khi biện minh cho mình, thì cũng biện minh cho tôn giáo.

... Tóm lại, tôn giáo và triết học thống nhất trong chính thể. Trong thực tế, triết học là sự tháp tùng Thượng Đế. Chính vì vậy, tôn giáo đồng nhất với triết học... triết học cũng chính là thần học”⁽⁹⁾.

Nhìn nhận tôn giáo và triết học như những loại hình ý thức có tính đồng nhất, song theo Hegel, đây là sự đồng nhất biện chứng. Giữa chúng vẫn có những sự khác

nhau về hình thức biểu hiện và phương pháp tiếp nhận Thượng Đế:

Thứ nhất, nghệ thuật, tôn giáo và triết học, theo Hegel, là những giai đoạn phát triển khác nhau của tinh thần tuyệt đối. Trong nghệ thuật, tinh thần tuyệt đối được thể hiện ra bằng *hình ảnh* (đường nét, hình khối trong hội hoạ, kiến trúc, v.v...). Từ hình thái nghệ thuật, tinh thần tuyệt đối chuyển lên giai đoạn cao hơn là tôn giáo. Trong tôn giáo, tinh thần tuyệt đối hiện diện bằng *biểu tượng* (các vị thần trong huyền tích). Từ tôn giáo, tinh thần tuyệt đối kết thúc bằng triết học. Trong triết học, tinh thần tuyệt đối thể hiện bằng *khái niệm* (ngôn từ) .

Thứ hai, giữa tôn giáo và triết học khác nhau là ở chỗ “chúng có phương pháp tiếp nhận Thượng Đế khác nhau”⁽¹⁰⁾. Tôn giáo tiếp nhận (tiếp cận và nhận thức) Thượng Đế thông qua hàng loạt các phương thức như *giáo lí, tín ngưỡng, niềm tin, ma thuật, sự sùng bái, lễ vật cúng tế và lễ vật hiến sinh*. Còn triết học tiếp nhận Thượng Đế thông qua các hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận. Chính điểm khác biệt này, theo Hegel, làm phát sinh sự hiềm khích, thù hằn giữa tôn giáo và triết học. Nhiều khi “triết học dường như xuyên tạc, phá bỏ, xúc phạm nội dung tôn giáo”⁽¹¹⁾. Và hậu quả của điều này làm cho một số nhà triết học có xu hướng dị giáo như Socrate, Copernic, Bruno, Galile, Spinoza... luôn bị Giáo hội Công giáo săn đuổi, thậm chí bỏ tù, bức tử hoặc hoả thiêu. Điểm khác

8. Hegel . Sđd, tr. 206.

9. Hegel. Sđd, tr. 219 - 220.

10. Hegel. Sđd, tr. 220.

11. Hegel. Sđd, tr. 220.

biệt thứ hai này giữa tôn giáo và triết học quy định phạm vi ảnh hưởng của chúng trong đời sống xã hội. Hegel viết: "Tôn giáo tồn tại đối với tất cả mọi người, còn triết học chỉ tồn tại đối với thiểu số. Tôn giáo là phương thức mà chân lí của nó có thể làm cho mọi người đều hiểu, các phương thức đó chính là tình cảm, biểu tượng, suy luận"⁽¹²⁾.

Nhìn nhận tôn giáo như một hình thức đặc biệt của tri thức, Hegel đã đoạn tuyệt không chỉ với truyền thống của chủ nghĩa vô thần, ở đó tôn giáo tồn tại với tư cách là cái đối lập với tri thức, với khoa học, ông còn đối lập với những luận điểm của Kant. Theo Kant thì sự tồn tại của Thượng Đế, của tự do ý chí, của linh hồn bất tử là không thể chứng minh được về phương diện lí luận. Bởi vậy, ông đã đưa ra ba phép chứng minh: Bản thể luận, vũ trụ luận, vật thần luận để phủ nhận sự tồn tại hiện thực của Thượng Đế⁽¹³⁾. Hegel đã lật lại thế cờ và tạo lập lại những gì mà Kant phủ nhận trong thế có lợi cho tôn giáo. Ở đây, cần phải nói thêm rằng, cả Kant lẫn Hegel đều không phủ nhận tôn giáo, họ chỉ bằng những hình thức khác nhau để khôi phục lại tôn giáo mà thôi. Đúng như lời nhận xét của Lênin trong *Bút kí triết học*: Kant hạ thấp tri thức để dọn sạch đường cho lòng tin; Hegel đề cao tri thức, quả quyết rằng, tri thức tức là tri thức về Thượng Đế⁽¹⁴⁾.

Luận điểm của Hegel về sự đồng nhất nội dung tôn giáo và triết học đã hàm chứa mâu thuẫn. Một mặt, bằng sự đồng nhất này, Hegel đã lập lại luận đề phi khoa học về tính phi mâu thuẫn giữa tri thức và niềm tin mà triết học thời Trung cổ rất quan tâm. Mặt khác, thông qua sự

đồng nhất nội dung của tôn giáo và triết học, ông đã mở ra khả năng loại bỏ khỏi tôn giáo những yếu tố thần bí, giáo điều và biến các giáo lí tôn giáo thành các quan niệm triết học. Hegel dùng các quan niệm triết học đó để nghiên cứu tôn giáo: Giáo lí của Kitô giáo về *tam vị nhất thể* được ông giải thích dựa trên *nguyên tắc nhị phân ba của phép biện chứng*.

Ý niệm Thượng Đế, theo Hegel, bộc lộ trong ba hình thức: Thứ nhất, trong hình thức vĩnh cửu của tồn tại - tự nó, của cái chung, đó là vương quốc của Đức Chúa Cha. Thứ hai, ý niệm tồn tại như một hiện tượng vĩnh cửu của Thượng Đế trong ý thức và đó chính là biểu tượng của Đức Chúa Con. Thứ ba, ý niệm thể hiện trong hình thức trở về từ lĩnh vực hiện tượng để đi sâu vào bản thân mình. Ở đây, ý niệm hiện hình trong hành động của cộng đồng tôn giáo, đó chính là vương quốc của Chúa Thánh Thần.

Nói tóm lại, Đức Chúa Cha ở Hegel biểu trưng cho tinh thần tuyệt đối, Đức Chúa Con biểu trưng cho giới tự nhiên và thế giới vô tận của tinh thần. Chúa Thánh Thần biểu trưng cho sự hiện diện của ý niệm trong cộng đồng tôn giáo, trong nhà thờ, trong bước chuyển từ tôn giáo sang triết học, từ niềm tin sang tri thức⁽¹⁵⁾.

Có một điểm lạ là trong tất cả các đề mục lớn nhỏ của *Tập bài giảng triết học tôn giáo*, cũng như trong các tác phẩm về

12. Hegel. Sđd, tr. 260.

13. Xem: Lê Công Sự. *Immanuel Kant với các vấn đề của triết học tôn giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*. Số 5/2003, tr.3.

14. Xem: V. I. Lênin *toàn tập*. Tập 29. Matxcova 1981, tr. 179.

15. Hegel. Tập 2. Sđd, tr. 241-145.

tôn giáo trước đó của Hegel, chúng ta không thể tìm thấy một đề mục nào về nguồn gốc tôn giáo. Nhưng nếu đọc một cách bao quát, chúng ta thấy, ở một vài chỗ Hegel có đề cập đến vấn đề này, mặc dù không hệ thống. Theo Hegel, tôn giáo xuất hiện là kết quả tác động của ba yếu tố: *Nhận thức, tâm lí và nhà nước*.

Về yếu tố *nhận thức*, ông cho rằng: "Thượng Đế chỉ tồn tại trong tư duy và nhờ tư duy; từ đó có thể kết luận rằng, tôn giáo chỉ có ở con người mà không có ở động vật"⁽¹⁶⁾. Như vậy, tôn giáo xuất hiện khi con người phát triển đến trình độ *Homo sapiens* (Người khôn ngoan), đến lúc đó con người mới biết tự đối lập mình với thế giới xung quanh, trong bản thân con người xuất hiện sự phản tư. Bởi vì, tôn giáo phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể tự ý thức với Thượng Đế, mà Thượng Đế không là cái gì khác ngoài tinh thần tuyệt đối. Về nguồn gốc nhận thức của tôn giáo, Hegel cũng chỉ mới dừng lại ở mức độ phỏng đoán mà thôi. Phải đợi đến Feurbach và C. Mác thì vấn đề mới được làm sáng tỏ dưới ánh sáng của chủ nghĩa duy vật.

Về yếu tố *tâm lí*, Hegel cho rằng, việc tìm hiểu tôn giáo liên quan chặt chẽ với việc tìm hiểu các giáo lí cũng như các hình thức hành lễ cụ thể của nó như: *ma thuật, niềm tin, sự sùng bái, cầu nguyện, lễ vật cúng tế và lễ vật hiến sinh*. Trong đó, ông đặc biệt quan tâm đến hiện tượng sùng bái, vì nó liên quan đến vấn đề tình cảm sâu kín của con người, đến uy tín của những vĩ nhân trong xã hội, đến văn học nghệ thuật. Ông viết: "Trong sự sùng bái, Thượng Đế đứng về một phía, còn "Tôi" đứng về phía khác. Nhiệm vụ của tôi là

hoà đồng Thượng Đế với chính mình, nhận thức Thượng Đế như nhận thức chính mình... Trong sự sùng bái, chúng ta tìm thấy niềm khoái cảm tối cao tuyệt đối. Trong sự sùng bái, có yếu tố tình cảm riêng tư sâu kín của tôi. Sự sùng bái, tóm lại, là lòng thành của tinh thần tuyệt đối với cộng đồng, là tri thức của cộng đồng về chính bản thân mình"⁽¹⁷⁾.

Theo Hegel, sự sùng bái của con người rất đa dạng, sùng bái: các hiện tượng tự nhiên làm phát sinh ra các vị thần như Thần Mặt Trời, Thần Mặt Trăng, Thần Sông, Thần Núi và *Totem giáo* (Totemism), *Bái vật giáo* (Fetisism), *Phiếm thần giáo* (Pantheism) ở các dân tộc thời cổ. Còn trong lĩnh vực đời sống xã hội, sự sùng bái phát sinh dưới ảnh hưởng của văn học nghệ thuật và nhà nước. Từ đó, Hegel đi đến quan điểm công nhận mối quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo, bởi vì, sự sùng bái tôn giáo quy định đời sống của công chúng, đặt nền móng cho pháp luật nhà nước và đến lượt mình, nhà nước lại củng cố tôn giáo.

Về yếu tố *nhà nước*, Hegel cho rằng: "*Nhà nước cần phải dựa trên tôn giáo, bởi vì chỉ có trong tôn giáo, con người mới có niềm hi vọng, với niềm hi vọng đó, họ sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ của mình trước nhà nước một cách tuyệt đối*"⁽¹⁸⁾. Như vậy, niềm tin tôn giáo góp phần củng cố niềm tin vào luật pháp nhà nước, làm tăng thêm nghĩa vụ và trách nhiệm của con người trước nhà nước. Và chính vì vậy, Hegel khẳng định rằng, tôn giáo và nhà nước là đồng nhất với nhau. Ông

16. Hegel. Tập 1. Sđd, tr. 306.

17. Hegel. Sđd, tr. 379 - 380.

18. Hegel. Sđd, tr. 283.

viết: “Nói chung, tôn giáo và bộ máy nhà nước đều là một; chúng *đồng nhất tự mình và cho mình*. Trong chế độ phụ hệ và chế độ thần quyền Do Thái thì chúng đồng nhất tuyệt đối, sau đó chúng dần dần bị chia tách, đến thời Trung cổ, chúng lại trở về trạng thái ban đầu... Trong tôn giáo và nhà nước đều có chung một khái niệm tự do - đó là khái niệm cao quý nhất trong những khái niệm mà con người được ban tặng, và cũng chính khái niệm đó đã hoàn thiện hoá con người. Một dân tộc có một khái niệm tồi về Thượng Đế, thì cũng sẽ có một nhà nước tồi, mà có một nhà nước tồi thì sẽ có một hệ thống pháp luật tồi”⁽¹⁹⁾.

Khi đặt vấn đề về mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước, Hegel đã chỉ ra rằng, về cơ bản tôn giáo và nhà nước đều có một nguồn gốc chung. Điều đó có nghĩa là ông đã đoán ra rằng, những hình thức khác nhau của kiến trúc thượng tầng được sinh ra trong những hoàn cảnh và nguyên nhân xác định.

Tuy nhà nước và tôn giáo là đồng nhất, nhưng lĩnh vực hoạt động của chúng hoàn toàn khác nhau. Nhà nước chuyên về những việc trần tục, còn lĩnh vực của tôn giáo là cái tối cao tuyệt đối. Nhà nước lấy pháp luật quy định đời sống con người, còn tôn giáo lấy đời sống nội tâm làm chuẩn mực. Bởi vậy, một sự đảm bảo cho xã hội phát triển chính là việc hợp tác giữa tôn giáo và nhà nước. Chính ở đây chúng ta thấy, Hegel đã đặt nền móng cho quan điểm tự do tín ngưỡng mà sau này Lênin đã nói rõ về mối quan hệ giữa nhà nước và giáo hội.

Vấn đề lịch sử phát triển và các hình thức tồn tại của tôn giáo chiếm một vị trí

khá quan trọng trong *Tập bài giảng triết học tôn giáo* của Hegel. Dựa trên nguyên tắc thống nhất giữa logic và lịch sử, Hegel cho rằng, các hình thức phát triển lịch sử khác nhau của tôn giáo phản ánh những mức độ phát triển ý thức tôn giáo của con người. Trong các hình thức tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, Hegel cố gắng truy tìm cái xuyên suốt sự phát triển tư duy của loài người. Cơ sở của quá trình phát triển đó chính là khái niệm tôn giáo. Tôn giáo là tri thức đang hình thành. Sự hình thành và phát triển của các hình thức tôn giáo phản ánh quá trình hình thành và phát triển của tri thức nhân loại. Hình thức đầu tiên là “Tôn giáo tự nhiên”, sau đó chuyển thành “Tôn giáo tự do” với tư cách là một tôn giáo của tinh thần cá nhân và cuối cùng là “Tôn giáo tuyệt đối”.

Tôn giáo tự nhiên nhìn nhận Thượng Đế như một thực thể tự nhiên đối lập với cá nhân hữu hạn, nó bao gồm các hình thái tôn giáo khác nhau trong *tôn giáo Trung Quốc, tôn giáo Ấn Độ, tôn giáo của các dân tộc Trung Á, Ba Tư, Sry, Ả-rập*.

Nghiên cứu một cách cơ bản các hình thái tồn tại khác nhau của tôn giáo Trung Quốc như Nho giáo, Đạo giáo, Hegel đi đến kết luận rằng, tôn giáo Trung Quốc là *tôn giáo của sự chuẩn mực*. “Trong tôn giáo Trung Quốc tồn tại một thực thể tự nhiên ban đầu với tư cách là một lực lượng siêu nhiên, là một chuẩn mực; chuẩn mực đó chính là tồn tại tự nó - tồn tại cho nó - tồn tại vĩnh cửu. Chuẩn mực đó phản ánh trong các phạm trù: Thiên, Đạo, Âm - Dương,

19. Hegel. Sđd, tr. 400.

Ngũ hành"⁽²⁰⁾. Theo Hegel, phạm trù "Thiên" (Trời) đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội Trung Quốc, nó không chỉ phản ánh lực lượng tự nhiên mà còn phản ánh lực lượng thần thánh và thế lực xã hội - đó là thế lực của Hoàng Đế (Thiên Tử). Trời quy định đời sống của Người. Còn phạm trù "Đạo" không chỉ phản ánh quy luật tự nhiên (Thiên Đạo) mà còn phản ánh chuẩn mực xã hội (Nhân Đạo). Các phạm trù Âm, Dương, Ngũ hành phản ánh sự thống nhất biện chứng giữa Trời - Đất - Người (Tam tài).

Hegel gọi tôn giáo Ấn Độ nói chung là *tôn giáo của sự tưởng tượng*, vì nó gắn liền với thi ca và nghệ thuật. Trong các hình thái khác nhau của tôn giáo Ấn Độ như Bà La Môn giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo..., ông chủ yếu đề cập đến Bà La Môn giáo, vì đây là tôn giáo của mọi tôn giáo ở Ấn Độ, là tôn giáo hàm chứa hình tượng *Tam vị nhất thể* (Thần Sáng tạo Brama, Thần Bảo tồn Vishnu, Thần Phá huỷ Shiva) phù hợp với phép biện chứng và mô thức nhị ba của ông. Hegel viết: "Brama là thực thể duy nhất ban đầu, từ đó sinh ra thế giới, thần thánh, con người... Vishnu là sự hiện thân của Brama trong hình ảnh con người ... Shiva là vị thần vĩ đại, ngài phải *trở về với chính bản thân mình*... Biểu tượng thống nhất của ba vị thần này là một hình nhân có ba đầu"⁽²¹⁾.

Khi nghiên cứu tôn giáo Ba Tư, Hegel nhận thấy rằng, các vị thần trong loại hình tôn giáo này chủ yếu là các vì sao, đặc biệt là hình tượng mặt trời - chúng đại diện cho hình ảnh tự nhiên và ánh sáng. Bởi vậy, ông gọi đây là *tôn giáo của ánh sáng*. Tôn giáo của dân tộc Sisy phản

ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Trong cuộc đấu tranh gian khó mang tính muôn thuở đó, sự thất vọng, cái chết luôn chờ đợi con người. Bởi vậy, Hegel gọi đây là *tôn giáo của sự đau khổ*. Tôn giáo Ai Cập liên quan đến chiêm tinh học, đến thuật tử vi tướng số, nên Hegel gọi là *tôn giáo của sự dự đoán*⁽²²⁾.

Tôn giáo của tinh thần cá nhân là giai đoạn phát triển tiếp theo của tôn giáo tự nhiên, trong đó, Thượng Đế hiện hình như một chủ thể tự do thoát li khỏi giới tự nhiên. Tôn giáo này bao gồm: tôn giáo Do Thái; tôn giáo Hy Lạp và tôn giáo La Mã.

Hegel gọi tôn giáo Do Thái là *tôn giáo của sự cao thượng*, bởi vì trong đó có những câu chuyện về ý tưởng sáng tạo thế giới của Thượng Đế từ sự hư vô, đây là một trong những ý tưởng sáng tạo cao thượng nhất trong tất cả các huyền thoại về sự sáng tạo thế giới.

Nghiên cứu hệ thống thần thoại Hy Lạp, Hegel cho rằng, hình ảnh các vị thần như Thần Dớt, Thần Gaia, Thần Apolon, Thần Promete... là biểu trưng cho cái đẹp không chỉ về hình thể mà còn cả về tinh thần. Bởi vậy, ông gọi tôn giáo này là *tôn giáo của cái đẹp*.

Về tôn giáo La Mã, Hegel viết: "Người La Mã khai chiến với người Hy Lạp, người Ai Cập... Họ tàn phá các nhà thờ và thu thập nhiều thánh vật. La Mã trở thành bộ sưu tập tôn giáo: tôn giáo Hy Lạp, Ba Tư, Ai Cập, La Mã; ở La Mã, có sự khoan dung, mọi tôn giáo giao thoa và hoà đồng với

20. Hegel. Sđd, tr. 469 - 470.

21. Hegel. Sđd, tr. 490 - 496.

22. Hegel. Tập 2. Sđd, tr. 5 - 30.

nhau. Tôn giáo này bám víu vào tôn giáo khác"⁽²³⁾. Với nét đặc thù này, Hegel gọi đây là *tôn giáo của sự hoàn thiện hay tôn giáo của giác tính*.

Tôn giáo tuyệt đối là giai đoạn phát triển cao của tôn giáo. Hình thức biểu hiện cụ thể của nó chính là Kitô giáo hay *tôn giáo thực chứng của sự mặc khải (Tôn giáo của chân lí và tự do)*. "Tôn giáo tuyệt đối là tôn giáo bộc lộ chính mình, tôn giáo minh bạch, nó thể hiện mình khi *khái niệm* tôn giáo trở nên khách quan với chính mình"⁽²⁴⁾. Nội dung của loại hình tôn giáo này là sự thống nhất giữa bản tính thần thánh và bản tính con người. Thượng Đế không phải là cái gì khác mà chính là cái tinh thần trong con người. Bởi vậy, tôn giáo tự lột bỏ mình trong triết học; tinh thần tuyệt đối chuyển từ hình thái biểu tượng sang hình thái khái niệm. Đó là kết luận cuối cùng trong triết học tôn giáo của Hegel. Kết luận này hoàn toàn phù hợp với phép biện chứng về sự vận động, phát triển của tinh thần tuyệt đối trong triết học của ông.

Nhìn lại toàn bộ quan điểm của Hegel về tôn giáo, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng, thành công và hạn chế tồn tại đan xen nhau trong quan điểm của ông.

Thứ nhất, trong triết học tôn giáo của mình, Hegel không bao giờ đề cập đến những giáo lí về sự bất tử của linh hồn. Ông cho rằng, các huyền thoại về sự ra đời của thần thánh nói chung và những câu chuyện về thần thánh nói riêng là những sự kiện diễn ra trong thời gian. Bản thân lịch sử của Đức Chúa Giêsu cũng là một câu chuyện về sự tồn tại vĩnh hằng của thần thánh. Sự giải thích này

hoàn toàn có lợi cho Giáo hội Kitô giáo và thần học.

Thứ hai, nếu nhà triết học tiền bối I. Kant đã dám đưa tôn giáo ra trước tòa án của lí tính để phán xét, và cuối cùng với một lí do nào đó ông đành phải dung hoà giữa tri thức và niềm tin, thì Hegel dường như đã đi giạt lùi một bước khi cho rằng niềm tin và tri thức có thể đồng nhất với nhau. Niềm tin trong quá trình phát triển của nó sẽ hoà lẫn vào tri thức mà không cần tới bất cứ một sự phán xét nào của lí tính. Nói cách khác, theo Hegel, tôn giáo và triết học đều tồn tại tất yếu như nhau trong đời sống tinh thần của con người.

Thứ ba, trong hệ thống triết học của Hegel nói chung cũng như trong triết học tôn giáo của ông nói riêng, đôi lúc ông cố tình lấy logic chủ quan để gượng ép lịch sử, khuôn lịch sử vào một cái khuôn của lí tính. Có lẽ vì thế mà ông cố tình lãng quên một tôn giáo lớn của loài người đó là Islam giáo. Chúng ta đều biết, tuy xuất hiện sau Kitô giáo, nhưng Islam giáo có ảnh hưởng lớn đối với đời sống nhân loại. Song suốt trong các tác phẩm của Hegel về tôn giáo chúng ta thấy ông không hề nhắc tới tôn giáo này.

Những hạn chế trên của Hegel đã được Feuerbach và C. Mác phê phán. Feuerbach gọi triết học tôn giáo của Hegel là thần học duy lí. Còn C. Mác thì cho rằng, Hegel một mặt, đã phá tan tất cả những hình thức của tôn giáo trong đời sống hiện thực, mặt khác, ông khôi phục nó trong triết học tôn giáo.

23. Hegel. Sđd, tr. 189.

24. Hegel. Sđd, tr. 201.

Bỏ qua những hạn chế nêu trên, chúng ta thấy rằng, quan điểm của Hegel về tôn giáo có những điểm tích cực đáng lưu ý.

Dựa trên nguyên tắc thống nhất giữa logic và lịch sử, nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nhà biện chứng duy tâm cổ điển Đức đã đưa ra một phác đồ lịch sử phát triển của tôn giáo. Theo phác đồ đó thì tôn giáo đi từ những hình thái khác nhau của *Tôn giáo tự nhiên* đa thần (sùng bái các hiện tượng tự nhiên) đến các hình thái khác nhau của *Tôn giáo tinh thần cá nhân* (sùng bái các vị thần vừa mang tính tự nhiên vừa chứa đựng những nhân tố xã hội - nhân văn) và cuối cùng đến *Tôn giáo tuyệt đối* độc thần (sùng bái vị thần được nhân cách hoá, thần nhân đồng hình). Lịch sử phát triển này của các hình thức tôn giáo như đã kể trên phù hợp với lịch sử phát triển của tư duy con người từ dạng thức ấu trĩ, ngây thơ qua trùu tượng siêu thực đến tư duy thực chứng. Nói về vấn đề này, M. Ph. Avxianhicov viết: “Những bài giảng về triết học tôn giáo của Hegel hàm chứa nhiều luận điểm có ý nghĩa phương pháp luận to lớn đối với việc nghiên cứu tôn giáo sau này của Mác. Hegel nhìn nhận các hình thức khác nhau của tôn giáo trong mối quan hệ với các phương diện khác nhau của đời sống xã hội... khi nhìn nhận các hình thức cụ thể của tôn giáo Hegel đã đưa ra những phỏng đoán sâu sắc. Ví dụ, ông rất quan tâm đến vấn đề về các giai đoạn phát triển của tôn giáo. Theo Hegel, tôn giáo không phải là hiện tượng nhất thành bất biến, mà bản chất của nó thay đổi theo sự thay đổi của các quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, giữa con người và xã hội”⁽²⁵⁾.

Điểm tích cực đáng lưu ý thứ hai trong quan niệm của Hegel về tôn giáo là ông đã dự báo được vai trò của tư duy trùu tượng, của lí tính trong việc hình thành tôn giáo. Theo Hegel, tôn giáo là sản phẩm sáng tạo của tư duy con người xuất phát từ nhu cầu đời sống tâm linh của nó. “Con người cao hơn cả nhà thờ, con người có thể tôn kính và cũng có thể hạ thấp thần thánh... Ngày lễ thánh được sáng tạo cho con người, chứ không phải con người được sáng tạo cho ngày lễ thánh”⁽²⁶⁾. Với dự báo này, Hegel đã khai mở một hướng nghiên cứu mới về tôn giáo cho Feuerbach và C. Mác sau này.

Nói tóm lại, tính mâu thuẫn không chỉ là dấu hiệu đặc trưng cho hệ thống của Hegel mà còn là dấu hiệu đặc trưng cho triết học tôn giáo của ông. Đúng như lời nhận xét của A. V. Guluga: “Triết học tôn giáo của Hegel chiếm một vị trí nhất định trong lịch sử của chủ nghĩa vô thần. Với mức độ cần thiết, ông đã cải biến tư tưởng của các nhà Khai Sáng, theo đó tôn giáo không phải là cái gì khác ngoài sự dối lừa, lường gạt. Một mặt, Hegel đã chỉ ra tính quy luật phát sinh, phát triển của các tín ngưỡng tôn giáo; mặt khác, ông không đề cập đến sự gia tăng và sự tiêu vong của niềm tin vào thần thánh. Nhìn nhận tôn giáo như một hiện tượng thuộc ý thức xã hội, Hegel mang đến cho nghệ thuật bản án tử hình cùng với những lời bào chữa cho tôn giáo. Nhưng lịch sử chứng minh hoàn toàn ngược lại”⁽²⁷⁾./.

25. M. Ph. Avxianhicov. *Triết học Hegel*. Matxcova 1959, tr. 260 - 261.

26. Hegel. Tập 1. Sđd, tr. 50.

27. A. V. Guluga. *Triết học tôn giáo của Hegel*. Trong cuốn: Hegel. *Triết học tôn giáo*. Tập 1. Sđd, tr. 31.